TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/DS-PT
Ngày: 26/6/2018
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản; Bồi thường thiệt hại về tài sản và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm;

Bà Nguyễn Thị Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/12/2017, 24/01/2018, 09/3/2018, 02/5/2018 và ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLPT-DS ngày 03/10/2017 về việc tranh chấp dân sự Hợp đồng mua bán tài sản; Bồi thường thiệt hại về tài sản và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1943;

Bà Trương Thị M, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957; Địa chỉ: Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Luật sư Lê Ngọc P, Văn phòng Luật sư Lê Ngọc P thuộc Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2015).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1978;

- NLQ2, sinh năm 1985;

- NLQ3, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2015, ngày 03/9/2015).

- NLQ4, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- NLQ5, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Từ năm 2010 bà Đ có bán thức ăn chăn nuôi cá cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị M, hai bên thỏa thuận miệng không làm giấy tờ.

Đến ngày 01/8/2012, bà Đ ký hợp đồng bằng văn bản mua bán thức ăn cho cá với ông P, bà M; bà Đ bán thức ăn nhiều đợt cho ông P, bà M, sau khi bán hết đợt cá thì hai bên sẽ tổng kết nợ tiền bán thức ăn.

Ngày 31/7/2014, bà Đ và ông P đối chiếu nợ; ông P, bà M còn nợ bà Đ

1.178.195.000đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2015, ông P, bà M đồng ý trả cho bà Đ nợ gốc 1.178.195.000đồng + lãi từ 31/7/2014 - 31/5/2015 là 10 tháng (0,75%/tháng) = 88.364.632 đồng, bà Đ giảm cho ông P chỉ yêu cầu trả lãi 50.000.000 đồng. Đến ngày 02/6/2015, ông P, bà M thay đổi ý kiến không đồng ý trả nợ bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu ông P, bà M trả nợ gốc 1.178.195.000đồng + lãi theo quy định pháp luật từ 31/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài yêu cầu ông P, bà M trả nợ bà Đ không yêu cầu ai khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P thừa nhận từ năm 2012 trở về trước có thỏa thuận mua bán thức ăn cho cá với bà Đ, vợ chồng ông mua thức ăn cho cá, bà Đ là người bán thức ăn.

Đến ngày 01/8/2012, vợ chồng ông P và bà Đ có ký hợp đồng bằng văn bản, bà Đ đầu tư giao thức ăn chăn nuôi cá cho ông đến khi ông bán (xuất) cá thì mới trả tiền, khi nhận thức ăn ông P có ghi sổ theo dõi. Sau khi bán cá đến ngày 31/7/2014 hai bên có đối chiếu ông P còn nợ bà Đ 1.178.195.000đồng, nay ông P không đồng ý trả số tiền trên vì cho rằng bà Đ có lỗi trong việc giao thức ăn chăn nuôi cá không đúng chủng loại, giao chậm không đúng thời gian làm cho cá chậm lớn.

Ông P phản tố yêu cầu bà Đ bồi thường thiệt hại 1.386.052.940 đồng, sau đó rút 01 phần yêu cầu, nay ông P yêu cầu bà Đ bồi thường thiệt hại số tiền 1.192.337.780đồng (làm tròn 1.192.337.700 đồng).

- Bà Trương Thị M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bản đối chiếu nợ ngày 31/7/2014 bà M không đọc nội dung nhưng bà có ký tên vào bản đối chiếu nợ ngày 31/7/2014. Bà đồng ý biên bản hòa giải thành ngày 28/5/2015 cùng ông P trả nợ cho bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ NLQ1, NLQ2, NLQ3 cùng ủy quyền cho Nguyễn Thị Kim C trình bày: Các người liên quan trên là con ông P, bà M. Việc cha mẹ chị là ông P, bà M nợ tiền mua thức ăn nuôi cá của bà Đ thì họ không biết. Nay bà Đ yêu cầu ông P, bà M trả số tiền trên các người liên quan không có ý kiến. Nay chị C đại diện ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3 yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 đối với thửa đất 47, tờ bản đồ số 31, diện tích 11.585m^2 do ông P đứng tên quyền sử dụng, vì cho rằng đất cấp quyền sử dụng cho hộ không phải của riêng ông P, bà M; việc ông P, bà M nợ tiền của bà Đ họ không biết.

+ NLQ4 trình bày: Năm 2000, ông P đã cho NLQ4 5.000m^2 đất tọa lạc ấp T, xã A, huyện C. Sau đó do làm ăn thiếu nợ Ngân hàng nên ông P yêu cầu anh giao lại phần đất 5.000m^2 để ông P bán trả nợ. Khoảng tháng 02/2015, ông P cho lại anh phần đất 11.585m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 31 và anh canh tác đất trồng nhãn; đến ngày 13/6/2015 hộ ông P ký hợp đồng tặng cho NLQ4 thửa đất trên nhưng bị bà

Đ yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 47 trên. Nay anh yêu cầu hủy quyết định áp dụng BPKCTT số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án huyện C, yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và hộ ông P.

+ NLQ5 trình bày: Ông là chồng bà Đ, việc mua bán thức ăn giữa bà Đ, ông P ông không biết nên ông đồng ý theo trình bày của bà Đ.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án huyện C đã quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ;

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Trương Thị M liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền nợ thức ăn và tiền lãi 1.528.053.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

+ Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, NLQ5 bồi thường thiệt hại số tiền 1.192.337.700 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

+ Bác yêu cầu độc lập của NLQ4. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 18/6/2015 giữa ông P và NLQ4 vô hiệu.

+ Không chấp nhận yêu cầu của NLQ1, NLQ2, NLQ3 cùng ủy quyền cho chị C yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án huyện C.

+ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P và bà Trương Thị M phải nộp 105.611.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 26.791.000 đồng theo biên lai thu số 00173 ngày 23/6/2016 đã nộp tạm ứng án phí dân sự. Vậy ông P, bà M còn phải nộp 78.820.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 24.998.396 đồng theo biên lai thu số 029007 ngày 20/5/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

NLQ4 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trước đó, NLQ4 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 11971 ngày 21/02/2017 được khấu trừ vào tiền án phí đã nộp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đồng thời là đại diện ủy quyền của NLQ5 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông P trả nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi cá và tính lãi; yêu cầu rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 47 do ông P đứng tên quyền sử dụng đất.

- Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P cho rằng ông P không nợ tiền bà Đ nên ông P không đồng ý trả. Đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án huyện C vì là đất của hộ ông P mà nợ là chỉ của ông P. Tòa án sơ thẩm tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông P với NLQ4 vô hiệu mà không xem xét hậu quả của hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm tố tụng, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn V trình bày: Ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, do bà Đ tính tiền không đúng giá, đúng loại thức ăn chăn nuôi, không có đầu tư tiền cho ông P chăn nuôi cá, giao thiếu hàng; ông P không nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi cá nên không đồng ý trả gốc, lãi; đồng thời yêu cầu bà Đ bồi thường thiệt hại do giao thức ăn không đúng thỏa thuận giữa hai bên và yêu cầu làm rõ công nợ giữa hai bên.

- Người đại diện ủy quyền của bị đơn Trương Thị M, NLQ1, NLQ2, NLQ3 là Nguyễn Thị Kim C không có yêu cầu gì.

- NLQ4 trình bày đề nghị được tiếp tục thực hiện họp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với hộ ông P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án huyện C do bà Đ rút đơn yêu cầu, hủy đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông P với NLQ4, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất và không chấp yêu cầu của bà Đ về số tiền chi phí chuyển khoản.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ là chủ Đại lý thức ăn thủy sản thuốc thú y thủy sản B nhưng Tòa sơ thẩm xác định tư cách nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là

chưa đầy đủ, nên cần phải ghi tư cách đương sự, nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ - chủ Đại lý thức ăn thủy sản thuốc thú y thủy sản B mới là phù hợp.

[2] Xét ông Nguyễn Văn P kháng cáo không đồng ý trả bà Nguyễn Thị Đ - chủ Đại lý thức ăn thủy sản thuốc thú y thủy sản B (gọi tắt bà Đ) số tiền mua thuốc, thức ăn chăn nuôi và tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm 2010 trở về trước, bà Đ có thỏa thuận miệng bán cho ông P, bà M thức ăn chăn nuôi cá. Đến ngày 01/8/2012 bà Đ ký hợp đồng đầu tư thức ăn cho ông P, bà M, theo đó bà Đ giao thức ăn cho ông P chăn nuôi cá, khi giao thức ăn giữa ông P, bà Đ có lập bảng theo dõi, tính đến ngày 03/10/2013 (BL 164) giữa bà Đ với ông P, bà M tổng kết ông P, bà M nợ của bà Đ số tiền 1.178.195.102 đồng. Tuy nhiên, ông P kháng cáo cho rằng:

- Thứ nhất: Bà Đ tính giá tiền bán thức ăn cao hơn giá công ty và giá mà hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu ông P cung cấp bảng báo giá để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng ông P không cung cấp được. Ngược lại, tại phiên đối chất ngày 09/02/2018 giữa bà Đ và ông Võ Văn V là người đại diện theo ủy quyền của ông P, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông V cũng không trình bày được bà Đ đã áp giá thức ăn cao hơn như thế nào, hai bên đã đối chiếu một số trường hợp như ngày 23/8/2012 loại thức ăn 204, 02 ly giá công ty là 11.850 đồng mà bà Đ thu giá 11.920 đồng. Bà Đ thừa nhận thu giá 11.920 đồng do có phí vận chuyển, bốc vác mà hai bên đã thỏa thuận là 70đồng/kg và các khoản khác là đúng bảng báo giá của Công ty cộng 70 đồng/kg là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng kinh tế ghi ngày 01/8/2012 quy định: *"Giá thức ăn theo bảng báo giá của Công ty từng thời điểm cộng thêm chi phí vận chuyển bốc vác đến kho bên B"*. Như vậy, ông P đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi bà Đ đã giải thích và đưa ra được tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là bảng báo giá của Công ty từng thời điểm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P về giá thức ăn.

- Thứ hai: Ông P kháng cáo đối với số tiền bà Đ ghi đầu tư 500 đồng/kg là không có nên không đồng ý trả. Xét thấy, bà Đ giải thích 500 đồng/kg ghi là tiền đầu tư nhưng thực tế đây là khoản tiền bù vào tiền lãi mà công ty thức ăn thủy sản tính cho bà Đ 0,06%/ngày nhưng hai bên chỉ thỏa thuận ông P chỉ chịu 500 đồng/kg là có căn cứ. Vì, tại Điều 2 Hợp đồng ngày 01/8/2012 quy định: số tiền bên A sau khi thu hồi tiền thức ăn và tiền lãi chậm trả công ty, số còn lại sẽ giao cho bên B, mặt khác ông P cũng đã xác nhận thỏa thuận này qua việc ký tên vào bảng xác nhận nợ ngày 23/10/2010, 03/9/2012, 05/9/2013, bảng tổng kết nợ tiền hàng ngày 03/10/2013 (BL 159 - 164) và bảng đối chiếu nợ ngày 31/7/2014 (BL 03). Mặc dù ông V là người đại diện ủy quyền của ông P cho rằng ông P, bà M cả tin nên mới ký vào các bản xác nhận trên là không có căn cứ chấp nhận, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P đối với khoản tiền 500 đồng/kg, buộc

ông P và bà M phải trả cho bà Đ tiền đầu tư (tiền lãi) với số tiền 313.580.000 đồng/mùa vụ năm 2012 và 109.370.000 đồng/mùa vụ năm 2013; tổng cộng 422.950.000 đồng.

- Thứ ba: Ông P kháng cáo bà Đ thống kê số lượng thức ăn nhiều hơn 08 tấn so với thực tế đã giao vào ngày 12/01/2012 (chỉ giao 12 tấn). Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 09/02/2018 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông V là người đại diện ủy quyền của ông P thống nhất ngày 12/01/2012 số lượng thức ăn ông P đã nhận là 20 tấn đúng như bà Đ đã ghi tại Bảng theo dõi nợ tiền hàng (BL 160). Xét thấy sự thừa nhận, thỏa thuận này của ông V với bà Đ là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

- Thứ tư: Ông P kháng cáo yêu cầu trừ lại l.160kg thức ăn tên hiệu Newhope 26%-6ly bà Đ đã giao vào ngày 10/12/2011, với số tiền 12.945.600 đồng vì cho rằng không phải thức ăn cho cá mà là thức ăn cho gia súc, nhưng ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ công văn trả lời ngày 26/3/2018 của Công ty TNHH Tats New Hope Đồng Tháp (viết tắt là Công ty) thì xác định ngày 09/12/2011 Công ty có giao cho bà Đ 28 tấn thức ăn tên New hope 26%-61y là thức ăn thủy sản cho cá da trơn (Tòa án đã công bố thông tin trả lời của Công ty đến các đương sự biết). Do vậy, có căn cứ chứng minh bà Đ đã giao đúng loại thức ăn cho cá da trơn vào thời điểm giao cho ông P và ông P đã đồng ý nhận, chỉ đến khi bà Đ khởi kiện thì bên ông P mới khai nại, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo trừ lại 1.160kg thức ăn với số tiền 12.945.000 đồng của ông P.

- Thứ năm: Ông P kháng cáo không đồng ý chịu phí chuyển khoản số tiền 3.418.591 đồng. Bà Đ cho rằng bà yêu cầu ông P phải chịu phí chuyển khoản vì theo thỏa thuận bà Đ là người bán cá, khi công ty mua cá tra nguyên liệu chuyển tiền mua cá cho bà Đ thì có tính tiền chuyển khoản nên bà yêu cầu ông P trả lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 20/6/2018 bà Đ thừa nhận: Sau khi cân cá, công ty sẽ báo cho bà số lượng cá và thành tiền đã trừ tiền phí chuyển khoản. Cho nên, thực tế bà Đ không chi khoản tiền này mà đã được trừ vào tiền bán cá của ông P, nên việc bà Đ yêu cầu ông P phải chịu 3.418.591 đồng là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với chi phí chuyển khoản số tiền 3.418.591 đồng.

- Thứ sáu: Ông P không đồng ý có nợ 155.493.379 đồng của số tiền năm 2010 mang sang, ông P cho rằng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặc dù, ông V là người đại diện của ông P không thừa nhận năm 2010 có giao dịch mua bán thức ăn cho cá với bà Đ, nhưng lại thừa nhận ông P có ký tên vào bảng xác nhận nợ ngày 23/10/2010, trong đó có khoản nợ 155.493.379 đồng. Từ đó cho thấy, có đủ căn cứ xác định năm 2010 giữa bà Đ và ông P, bà M có giao dịch mua bán thức ăn cho cá và vụ cá năm 2010 ông P, bà M còn nợ bà Đ 155.493.379 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông P cũng không chứng minh được đã trả cho bà Đ số tiền nêu trên, nên

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, buộc ông P và bà M trả cho bà Đ số tiền còn nợ là 155.493.379 đồng.

- Thứ bảy: Ông P kháng cáo yêu cầu bà Đ trả số tiền 47.085.000 đồng bán cá, tương đương 2.190kg x 21.500 đồng/kg. Ông P cho rằng, theo 02 biên nhận ngày 25/8/2013 và ngày 26/8/2013 thì tổng số lượng cá là 110.488kg, tuy nhiên bà Đ chỉ thống kê 108.298kg là thiếu 2.190 kg. Đối với kháng cáo này, bà Đ trình bày chênh lệch số lượng cá là do Công ty mua cá đánh tỷ lệ theo hợp đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà Đ có cung cấp Hợp đồng nguyên tắc mua bán cá tra nguyên liệu ngày 26/8/2013 giữa Công ty cổ phần CB & XNK thủy sản Cadovimex II (viết tắt Công ty Cadovimex II) và NLQ5 (chồng của bà Đ), tại Điều I của Hợp đồng quy định "*Qui cách: Cá phải đạt tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu, trọng lượng bình quân: + 900 gram/con: bắt cá từ 350 gram đến 2.000 gram. Cá dưới 350 gram và trên 2.000 gram, đánh tỷ lệ tại hầm...*" Tòa án cấp phúc thẩm đã có công văn số 537/CV-DS ngày 14/5/2018 yêu cầu Công ty Cadovimex II cung cấp thông tin, theo đó Công ty Cadovimex II có văn bản trả lời đã thanh toán cho NLQ5 số tiền 2.325.707.000 đồng, tương đương với số cá 108.298 kg X 21.500 đồng và trừ lại 2.700.000 đồng tiền chi phí kiểm định kháng sinh là đúng với lời trình bày của bà Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P về yêu cầu bà Đ trả số tiền 47.085.000 đồng.

- Thứ tám: Ông P kháng cáo không đồng ý trả lãi với mức lãi suất và cách tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần. Ông P cho rằng trong Hợp đồng ngày 01/8/2012 cũng như không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 438 Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 đều quy định bên mua không thực hiện nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi trên số tiền chậm trả. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên cách tính tiền lãi cộng vào tiền nợ gốc để tiếp tục tính lãi và mức lãi suất mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về lãi chậm trả.

Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo Quyết định số 2281/QĐ-NHNN ngày 27/9/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam lãi suất cơ bản là 0,67%/tháng có hiệu lực từ ngày 01/10/2010, Quyết định số 2619/QĐ-NHNN ngày 05/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng kể từ ngày 05/11/2011; đối với tiền lãi từ ngày 01/01/2017 - 19/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 do hai bên có tranh chấp về lãi suất. Cụ thể như sau:

+ Tiền lãi chậm trả từ ngày 23/10/2010 - 04/11/2010 của số tiền năm 2010 là 155.493.379 đồng x 0,67%/ tháng x 12 ngày = 416.722 đồng

+ Tiền lãi chậm trả từ ngày 05/11/2010 – 03/9/2012 của số tiền năm 2010 là 155.493.379 đồng x 0,75%/ tháng x 21 tháng 28 ngày = 25.578.661 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả từ ngày 04/9/2012 - 05/9/2013 của số tiền (năm 2010, 2012) là 287.262.479 đồng x 0,75%/ tháng x 12 tháng 01 ngày = 25.925.439 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả từ ngày 31/7/2014 - 31/12/2016 của số tiền năm 2010, 2012, 2013 là: 562.624.279 đồng x 0,75%/ tháng x 29 tháng = 122.370.781 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2017 - 19/7/2017 của số tiền 562.624.279 đồng x 0,83%/tháng x 6 tháng 18 ngày = 30.820.558 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 205.112.161 đồng.

Từ những phân tích trên, ông P và bà M phải trả cho bà Đ tiền nợ gốc năm 2010 là 155.493.379 đồng; năm 2012 gồm tiền thuốc và thức ăn 6.967.751.600đồng + phí kiểm mẫu 1.200.000đồng = 6.968.95l.600 đồng - tiền bán cá 6.837.182.500 đồng = 131.769.100 đồng; năm 2013 gồm tiền thuốc và thức ăn 2.599.671.800 đồng - tiền bán cá 2.324.310.000 đồng = 275.361.800 đồng. Tổng cộng 562.624.279 đồng.

Tiền đầu tư 500 đồng (tiền lãi chậm trả cho công ty) 422.950.000 đồng.

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 205.112.161 đồng.

Tổng cộng: 1.190.686.440 đồng.

[3] Ông P kháng cáo yêu cầu bà Đ bồi thường thiệt hại do giao không đúng loại thức ăn với số tiền 1.192.337.780 đồng (làm tròn 1.192.337.700 đồng). Xuất phát yêu cầu của ông P là bà Đ giao 06 tấn thức ăn tên New hope 26%-61y, sau đó bà Đ đã thu hồi 4.480kg. Ông P cho rằng thức ăn New hope 26%-61y không phải thức ăn thủy sản nhưng bà Đ giao ông P cho cá ăn làm cá chậm lớn, gây thiệt hại....; tuy nhiên, như đã phân tích tại phần thứ tư mục [2] đã xác định New hope 26%-61y là thức ăn cho cá da trơn. Mặt khác, tại thời điểm giao hàng cho đến kết thúc mùa cá, ông P cũng không có tranh chấp, khiếu nại bà Đ giao không đúng loại thức ăn, cho đến khi bà Đ khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ thì ông P mới khai nại yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã yêu cầu nhưng phía ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thiệt hại và thiệt hại bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông P.

[4] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, giải quyết lại bằng thủ tục chung là không cần thiết. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông Nguyễn Văn P, Trương Thị M, NLQ1, NLQ2, NLQ3 (gọi tắt là hộ ông P) và NLQ4 mà không giải quyết hậu quả của hợp đồng là vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố

tụng cũng như luật nội dung là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy nguyên nhân phát sinh tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/6/2015 giữa hộ ông P với NLQ4 đối với thửa đất 47, tờ bản đồ số 31, diện tích 11.585m^2 là do bà Đ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với tài sản tặng cho nêu trên, nhưng ngày 22/01/2018, bà Đ có đơn xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản, tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và việc rút yêu cầu của bà Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ; chấp nhận đề nghị của ông P, chị C, NLQ4 hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án huyện C, bà Đ được nhận lại 75.000.000 đồng tiền bảo đảm phong tỏa tại tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện C. Do hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho nên nguyên nhân tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không còn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, mà không cần phải hủy án sơ thẩm để giải quyết theo thủ tục chung, bởi bà Đ không còn tranh chấp, nay hộ ông P và NLQ4 cũng không có tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất 11.585m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 31. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để không lập lại thiếu sót này.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Luật sư là không phù hợp nên không chấp nhận; xét đề nghị của Viện kiểm sát hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông P với NLQ4; sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất và chấp nhận kháng cáo của ông P về phần phí chuyển khoản là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

[6] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung vụ án và nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự. Theo đó, ông P phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Đ 47.710.000 đồng và yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 47.770.000 đồng. Bà Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu ông P trả tiền phí chuyển khoản; Do hủy đình chỉ giải quyết Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông P với NLQ4 nên NLQ4 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313

Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 2281/QĐ-NHNN ngày 27/9/2010 và Quyết định số 2619/QĐ-NHNN ngày 05/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Hủy đình chỉ giải quyết một phần bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án huyện C.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ;

- Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Trương Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ - chủ Đại lý thức ăn thủy sản thuốc thú y thủy sản B số tiền 1.190.686.440 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, NLQ5 bồi thường thiệt hại số tiền 1.192.337.700 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện C về việc phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án. Bà Nguyễn Thị Đ được đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, Đồng Tháp nhận lại số tiền 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) đã gởi vào tài khoản phong tỏa tài sản theo sổ tiết kiệm số 00000514851 ngày gửi 22/6/2015.

- Hủy đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án huyện C đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/6/2015 giữa hộ ông Nguyễn Văn P, Trương Thị M, NLQ1, NLQ2, NLQ3 với NLQ4 đối với diện tích đất 11.585m^2, thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn P và bà Trương Thị M liên đới nộp 95.480.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 26.791.000 đồng theo biên lai thu số 00173 ngày 23/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông P và bà M phải nộp tiếp tục 68.689.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 24.998.396 đồng theo biên lai thu số 029007 ngày 20/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, số tiền bà Đ còn được nhận lại là 24.698.396 đồng.

NLQ4 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11971 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông P được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 12017 ngày 03/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Những phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh